TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2025
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sang.

2. Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Bé B. Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận C, thành phố C (Nay là: Khu vực P, phường H, thành phố C). "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích L. Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận C, thành phố C (Nay là: Khu vực P, phường H, thành phố C). "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B trình bày và yêu cầu: Ông và bà L tự nguyện quen biết, qua thời gian tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới hỏi, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Lê Phạm Đăng Kh (Nam), sinh ngày 01/8/2002 và Lê Phạm Đăng Th (Nữ), sinh ngày 25/12/2007 và đang chung sống với ông. Sau khi có 02 con chung thì vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn trong lối sống, làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến không còn tiếng nói chung và ly thân từ năm 2008 đến nay. Thời gian đầu ly

thân ông bà vẫn ở chung nhà, thỉnh thoảng bà có về nhà mẹ ruột ở Đồng Tháp rồi trở về nhưng dần dần sau này khi các con đã thành niên thì ít về hơn. Thấy rằng tình cảm của ông dành cho bà thật sự không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà L. Cháu Kh đã thành niên, có đầy đủ nhận thức, sức khỏe làm việc, vẫn đang chung sống cùng địa chỉ với ông nên không đặt ra xem xét nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Riêng Cháu Th chưa đủ 18 tuổi nên ông yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Bà L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến, yêu cầu của bà về việc ly hôn của ông B.

Tại Tờ tường trình ngày 26/4/2025 của Lê Phạm Đăng Kh, Biên bản lấy lời khai của Lê Phạm Đăng Kh, Lê Phạm Đăng Th (hai người con chung của ông bà) trình bày: Hai cháu là con chung của ông B với bà L, trong gia đình ông bà chung sống với nhau có xích mích, cự cãi rồi bà L đi về Đồng Tháp và cũng thường xuyên đi qua đi lại hai nơi. Khi biết Tòa án gửi giấy mời về nhà thì có gọi thông báo cho bà L biết nhưng bà không phản hồi. Các nội dung khác mà ông B yêu cầu Tòa án giải quyết thì không có ý kiến. Cháu Th có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông B vì ông là người nuôi dưỡng hai anh em từ nhỏ, hiện vẫn ở chung nhà với ông.

Tại phiên tòa, ông B vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt), bà L vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của ông B; bản khai, biên bản lấy lời khai 02 người con của ông bà và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa chứng minh ông B với bà L là vợ chồng hợp pháp, có con chung, không tài sản chung, nợ chung. Mâu thuẫn của ông bà là có thật, kéo dài nhiều năm dẫn đến ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục hôn nhân này nữa mà cần phải chấm dứt. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, theo lời khai của các con chung của ông bà thì có thông báo cho bà L biết nhưng bà không quan tâm chứng tỏ bà cũng không muốn duy trì hôn nhân với ông B. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông B là có căn cứ chấp nhận quy định tại các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các con chung của ông bà chung sống với ông B từ nhỏ, Cháu Th chưa đủ 18 tuổi hiện vẫn đang ở chung nhà với cháu Kh, ông B nên nguyện vọng của cháu tiếp tục chung sống với ông B là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Tài sản chung, nợ chung ông B trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B theo quy định tại các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, lời khai của ông B và các con cùng các chứng cứ xác định ông B, bà L tranh chấp ly hôn, nuôi con. Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà L.

[2] Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua lời khai của ông B và các con thấy rằng việc mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông bà là có, không thể hàn gắn dẫn đến ly thân trong thời gian dài. Quá trình giải quyết tại Tòa án bà L đều vắng mặt chứng tỏ bà bỏ mặc, không còn quan tâm tới việc ly hôn, đoàn tụ nên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã thật sự trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Các con chung của ông bà chung sống với ông B từ nhỏ và hiện nay vẫn vậy. Cháu Kh trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Cháu Th có nguyện vọng tiếp tục chung sống với ông B nên yêu cầu nuôi con chung của ông B là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy bà L không trực tiếp nuôi dưỡng Cháu Th nhưng theo quy định thì bà vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Ghi nhận lời trình bày của ông B về việc ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004217 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, ông không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Lê Văn Bé B.

Về hôn nhân: Ông Lê Văn Bé B ly hôn với bà Phạm Thị Bích L.

Về con chung: Giao ông Lê Văn Bé B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phạm Đăng Th (Nữ), sinh ngày 25/12/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Phạm Thị Bích L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Bích L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của ông Lê Văn Bé B về việc ông bà không tài sản chung, không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Về án phí: Ông Lê Văn Bé B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004217 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, ông không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cần Thơ;
- UBND phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn